ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Số: 4584 /QĐ-ĐHQGHN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Căn cứ Công văn số 4239/ĐHQGHN-ĐT ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc đồng ý cho đơn vị kí quyết định ban hành chương trình đào tạo điều chỉnh;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo và của Chủ nhiệm Khoa Các khoa học liên ngành tại Công văn số 1255/KHLN-ĐT ngày 27 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Di sản học (định hướng ứng dụng), mã số: Thí điểm.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Di sản học (định hướng ứng dụng), ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho học viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính, Chủ nhiệm Khoa Các khoa học liên ngành và trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- Phó Giám đốc Nguyễn Hoàng Hải (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT, 115.

TUQ. GIÁM ĐỐC
CHỦ NHIỆM KHOA CÁC KHOA HỌC LIÊN NGÀNH

Nguyễn Văn Hiệu

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA CÁC KHOA HỌC LIÊN NGÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4584 /QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

ĐỊNH HƯỚNG: **Ứng dụng**
NGÀNH: **Liên ngành**
MÃ SỐ: **Thí điểm**
CHUYÊN NGÀNH: **Di sản học**

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
  + Tiếng Việt: Di sản học
  + Tiếng Anh: Heritage Studies
- Mã số: Ngành đào tạo thí điểm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
  + Tiếng Việt: Thạc sĩ chuyên ngành Di sản học
  + Tiếng Anh: Master in Heritage Studies

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Cách tiếp cận của chương trình đào tạo

Di sản học là một lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng có tính liên ngành cao, đòi hỏi sự tham gia và phối hợp của nhiều ngành trong khối Khoa học xã hội và nhân văn, tự nhiên và công nghệ, kiến trúc và quy hoạch, quản lí - kinh tế - luật, sinh thái cảnh quan, địa chất và môi trường, công nghiệp sáng tạo. Chương trình thạc sĩ Di sản học gắn kiến thức chuyên sâu của ngành với việc nhận diện, bảo vệ cảnh quan,

không gian, hiện vật, địa điểm, biểu đạt văn hóa tồn tại xung quanh đời sống con người và là một phần của xã hội, tộc người, đất nước. Chương trình nhấn mạnh sự tôn trọng chủ thể di sản và sự đa dạng di sản của các cộng đồng dân tộc. Theo đó, cách tiếp cận của chương trình đào tạo là: *Gìn giữ, bảo vệ và phát huy các giá trị di sản cho hiện tại và tương lai bằng tiếp cận liên ngành để phát triển bền vững.*

2.2. Mục tiêu chung

Chương trình thạc sĩ Di sản học theo định hướng ứng dụng nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công tác phân loại, bảo vệ bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Chương trình đào tạo trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng cập nhật và nâng cao để nhận diện, tổ chức và tham gia giải quyết các vấn đề về di sản trong thực tiễn đời sống với tư duy tổng hợp và cách tiếp cận liên ngành.

2.3. Mục tiêu cụ thể

Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc về di sản có:

O1. Kiến thức chuyên môn vững chắc và tư duy liên ngành trong nhận diện, phân loại, bảo vệ và phát huy giá trị di sản;

O2. Khả năng điều phối các hoạt động về di sản, biết áp dụng một cách linh hoạt các kiến thức cập nhật trong lĩnh vực di sản và ứng dụng di sản trong phát triển, và tham gia tư vấn, hoạch định chính sách về di sản;

O3. Khả năng hợp tác với các bên liên quan, cộng đồng trong thực tiễn bảo vệ di sản, đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững trong bối cảnh của quốc gia và quốc tế.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét tuyển theo quy định của ĐHQGHN và phương án tuyển sinh được ĐHQGHN phê duyệt hằng năm.

3.2. Đối tượng dự tuyển

3.2.1. Điều kiện về văn bằng

Thí sinh phải có một trong các văn bằng tốt nghiệp đại học thuộc các ngành, nhóm ngành phù hợp với chuyên ngành Di sản học. Danh mục các ngành, nhóm ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức tương ứng được xác định cụ thể trong mục 3.3.

3.2.2. Điều kiện về thâm niên công tác

Chương trình không có yêu cầu về thâm niên công tác.

3.3. Danh mục các nhóm ngành, ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức

Nhóm 1: Nhóm thí sinh được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp và không phải học các học phần bổ sung, bao gồm các thí sinh tốt nghiệp ngành Quản trị tài nguyên di sản (Mã ngành đào tạo thí điểm).

Nhóm 2: Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học các ngành, nhóm ngành: 72201 – Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, 7229009 – Tôn giáo học, 7229020 – Ngôn ngữ học, 7229040 – Văn hóa học, 7229042 – Quản lí văn hóa, 73103 – Xã hội học và Nhân học, 73106 – Khu vực học, 7320305 – Bảo tàng học được dự thi sau khi đã học bổ sung kiến thức với chương trình gồm 03 học phần (08 tín chỉ):

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị tổ chức giảng dạy
1	Di sản và các loại hình di sản Việt Nam	3	Khoa Các khoa học liên ngành
2	Môi trường và phát triển	2	Khoa Các khoa học liên ngành
3	Kinh tế phát triển	3	Khoa Các khoa học liên ngành
Tổng		**08**	

Nhóm 3: Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học các ngành, nhóm ngành: 7310101 – Kinh tế, 7310105 – Kinh tế phát triển, 7310104 – Kinh tế đầu tư, được dự thi sau khi đã học bổ sung kiến thức với chương trình gồm 05 học phần (13 tín chỉ):

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị tổ chức giảng dạy
1	Di sản và các loại hình di sản Việt Nam	3	Khoa Các khoa học liên ngành
2	Môi trường và phát triển	2	Khoa Các khoa học liên ngành
3	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	Khoa Các khoa học liên ngành
4	Xã hội học đại cương	2	Khoa Các khoa học liên ngành
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	Khoa Các khoa học liên ngành
Tổng		**13**	

Nhóm 4. Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học các ngành, nhóm ngành: 7140217 – Sư phạm ngữ văn, 7140218 – Sư phạm Lịch sử, 7140219 – Sư phạm Địa lí, 7140221 – Sư phạm Âm nhạc, 7140222 – Sư phạm Mỹ thuật, 72101 – Mỹ thuật , 72102 – Nghệ thuật trình diễn, 72103 – Nghệ thuật nghe nhìn, 72104 – Mỹ thuật ứng dụng, 72202 – Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, 7229010 – Lịch sử, 7229030 – Văn học,

73105 – Địa lí học, 73201 – Báo chí, truyền thông, 7320303 – Lưu trữ học, 78101 – Du lịch được dự thi sau khi đã học bổ sung kiến thức với chương trình gồm 04 học phần (11 tín chỉ):

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị tổ chức
1	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	Khoa Các khoa học liên ngành
2	Di sản và các loại hình di sản Việt Nam	3	Khoa Các khoa học liên ngành
3	Môi trường và phát triển	2	Khoa Các khoa học liên ngành
4	Kinh tế phát triển	3	Khoa Các khoa học liên ngành
	Tổng	**11**	

Nhóm 5. Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học các ngành, nhóm ngành: 7480201 –Công nghệ thông tin, 7580101 – Kiến trúc, 7580102 – Kiến trúc cảnh quan, 7580104 – Kiến trúc đô thị, 7580105 – Quy hoạch vùng và đô thị, 7580106 – Quản lí đô thị và công trình, 7580112 – Đô thị học, 7580111 – Bảo tồn di sản kiến trúc đô thị được dự thi sau khi đã học bổ sung kiến thức với chương trình gồm 05 học phần (14 tín chỉ).

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị tổ chức
1	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	Khoa Các khoa học liên ngành
2	Xã hội học đại cương	2	Khoa Các khoa học liên ngành
3	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	Khoa Các khoa học liên ngành
4	Di sản và các loại hình di sản Việt Nam	3	Khoa Các khoa học liên ngành
5	Kinh tế phát triển	3	Khoa Các khoa học liên ngành
	Tổng	**14**	

Nhóm 6. Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học các ngành, nhóm ngành: 71401 – Khoa học giáo dục, 71402 – Đào tạo giáo viên (trừ 7140217, 7140218, 7140209, 7140221, 7140222), 7310205 – Quản lí nhà nước, 73202 – Thông tin-thư viện, 73403 – Kế toán-kiểm toán, 7340401 – Khoa học quản lí , 7340403 – Quản lí công, 7340405 – Hệ thống thông tin quản lí , 7340409 – Quản lí dự án, 73801 – Luật, 74402 – Khoa học trái đất (trừ 7440201), 74403 – Khoa học môi trường, 7510101 – Công nghệ kĩ thuật kiến trúc, 75205 – Kĩ thuật địa chất, địa vật lí và trắc địa, 75803 – Quản lí xây dựng, 7760101 – Công tác xã hội, 78501 – Quản lí tài nguyên và môi trường được dự thi sau khi đã học bổ sung kiến thức với chương trình gồm 06 học phần (16 tín chỉ):

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị tổ chức
1	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	Khoa Các khoa học liên ngành
2	Xã hội học đại cương	2	Khoa Các khoa học liên ngành
3	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	Khoa Các khoa học liên ngành
4	Di sản và các loại hình di sản Việt Nam	3	Khoa Các khoa học liên ngành
5	Kinh tế phát triển	3	Khoa Các khoa học liên ngành
6	Môi trường và phát triển	2	Khoa Các khoa học liên ngành
Tổng		**16**	

Trường hợp trong bảng điểm ở bậc đại học của thí sinh có học phần trùng với các học phần bổ sung kiến thức thì sẽ được xem xét để miễn học bổ sung học phần đó.

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

20-30 học viên/năm

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

K1. Phân tích được những vấn đề về lý luận liên quan đến nhận diện, bảo vệ và phát huy di sản, các loại hình di sản ở Việt Nam và thế giới.

K2. Phân tích được những tác động đa chiều giữa di sản với các khía cạnh trong phát triển bền vững như kinh tế, xã hội, môi trường và văn hóa; mối quan hệ giữa nhà nước và cộng đồng, các bên liên quan trong quản lý, bảo vệ và phát huy di sản.

K3. Đánh giá được việc thực thi và tác động của các Công ước quốc tế, chính sách, luật pháp của Việt Nam trong quản lý, bảo vệ và phát huy di sản.

K4. Vận dụng được các phương pháp, công cụ và công nghệ trong trong nghiên cứu, quản lý, bảo vệ và phát huy di sản.

K5. Vận dụng được các kiến thức liên ngành trong việc giải quyết các hoạt động liên quan đến đánh giá, nghiên cứu, quản lý, tác nghiệp, quảng bá và phát huy di sản.

K6. Vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận triết học trong việc nhận thức và giải quyết vấn đề trong học tập, làm việc và nghiên cứu về di sản.

2. Về kĩ năng

S1. Có khả năng nhận diện, đánh giá giá trị, và tiềm năng của các loại hình di sản trong phát triển bền vững;

S2. Có khả năng huy động được các nguồn lực, sự tham gia của các bên liên quan trong hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy di sản;

S3. Có khả năng tham gia xây dựng, thực hiện, đánh giá các dự án, các chương trình về bảo vệ và phát huy giá trị di sản; lập hồ sơ di sản.

S4. Có khả năng phát triển các mô hình kinh doanh, khởi nghiệp liên quan đến di sản;

S5. Có khả năng triển khai các nghiên cứu mang tính định tính, định lượng, phân tích tổng hợp về di sản;

S6. Sử dụng sáng tạo nền tảng công nghệ trong thực tiễn quản lí, nghiên cứu và thực hành

S7. Thành thạo ngoại ngữ ở trình độ tối thiểu Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Các ngoại ngữ được chấp nhận trong chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo bao gồm Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nga, Tiếng Đức, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn Quốc và Tiếng Nhật Bản. Ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với một người học phải cùng một ngôn ngữ.

S8. Có khả năng kết nối và tổ chức các nhóm làm việc trong các dự án, nhiệm vụ về di sản;

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

R1. Đề xuất sáng kiến trong quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về di sản.

R2. Thể hiện trách nhiệm xã hội trong quản lí, nghiên cứu và thực hành trong lĩnh vực di sản.

R3. Tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi và có năng lực thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số;

R4. Có khả năng lập luận nghề nghiệp, truyền đạt tri thức và đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về di sản.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể đảm nhận các vị trí công việc sau:

- Chuyên viên về quản lí văn hóa, di sản trong Văn phòng Chính phủ; các đơn vị trực thuộc Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch; các đơn vị liên quan tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ủy ban nhân dân các cấp; Ủy ban Văn hóa đối ngoại của Bộ Ngoại giao; các đơn vị, cơ quan có chức năng hoạch định, tham mưu, tư vấn chính sách về văn hóa.

- Chuyên viên bảo tàng, bảo tồn, trùng tu trong các cơ quan liên quan đến di sản như bảo tàng, thư viện; các Ban quản lí di tích và danh thắng; các vườn quốc gia;

- Chuyên viên phụ trách chuyên môn về văn hóa, di sản trong các doanh nghiệp, đơn vị dịch vụ của công nghiệp di sản; các công ty du lịch, lữ hành.

- Trợ lí nghiên cứu, trợ lí giảng dạy về di sản trong các trường, viện nghiên cứu và đào tạo có chuyên ngành di sản.

- Nhà báo, người đưa tin về văn hóa, di sản trong các cơ quan thông tấn, báo chí và truyền thông và bộ phận truyền thông của các cơ quan quản lý liên quan đến văn hóa, di sản.

- Cán bộ dự án, phụ trách lĩnh vực văn hóa, quảng bá di sản, tổ chức sự kiện, tổ chức các tour du lịch di sản trong các công ty lữ hành, doanh nghiệp liên quan.

- Cán bộ hướng dẫn, giảng dạy về giáo dục di sản; xây dựng, thiết kế, triển khai các chương trình trải nghiệm di sản trong hệ thống các trường cấp 1,2,3 công lập và dân lập, trường quốc tế; các trung tâm, đơn vị quản lý di sản; các khu bảo tồn di sản.

- Những cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khởi nghiệp liên quan đến di sản.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học tập nâng cao trình độ ở bậc Tiến sĩ theo các hướng chuyên môn về Di sản học, Di sản bền vững, Di sản văn hóa.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **65** tín chỉ, trong đó:

Khối kiến thức chung: 8 tín chỉ

Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **42** tín chỉ

+ Bắt buộc: **27** tín chỉ

+ Tự chọn: **15** tín chỉ/ 33 tín chỉ

Thực tập: 6 tín chỉ

Học phần tốt nghiệp: **9** tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ tín chỉ			HP tiên quyết
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
I	**Khối kiến thức chung**		**8**				
1	PHI5001	Triết học *Philosophy*	3	45	0	0	
2		Ngoại ngữ B2 (SĐH) *English for General Purpose*	5	25	50	0	
	ENG5001	Tiếng Anh B2 (SĐH)					
	RUS5001	Tiếng Nga B2 (SĐH)					
	CHI5001	Tiếng Trung Quốc B2 (SĐH)					
	FRE5001	Tiếng Pháp B2 (SĐH)					
	WES5001	Tiếng Đức B2 (SĐH)					
	OLC5001	Tiếng Nhật B2 (SĐH)					
	KOR5001	Tiếng Hàn Quốc B2 (SĐH)					
II	**Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành**		**42**				
II.1	*Các học phần bắt buộc*		*27*				
3	HES6001	Nhập môn di sản học *Introduction to Heritage Studies*	3	30	15	0	
4	HES6002	Nhận diện loại hình, đánh giá giá trị di sản trong bối cảnh hiện đại *Heritage Identificationand Evaluation in the Context of Modernization*	3	30	15	0	
5	HES6003	Công ước, chính sách và quản trị tài nguyên di sản *Heritage Conventions, Policies and the Governance of Heritage Resources*	3	30	15	0	
6	HES6004	Khảo cổ học và di sản *Archeology and Heritage*	3	30	15	0	
7	HES6005	Nghiên cứu văn hóa và di sản *Cultural Studies and Heritage*	3	30	15	0	
8	HES6006	Di sản học về thiên nhiên và cảnh quan *Heritage Studies of Nature and Landscape*	3	30	15	0	
9	HES6007	Di sản số và nhân văn số *Digital Heritage and Digital Humanities*	3	25	20	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ tín chỉ			HP tiên quyết
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
10	HES6009	Lượng giá kinh tế về di sản *Economic Valuation of Heritage*	3	30	15	0	
11	SIS6001	Nhập môn khoa học bền vững *Introductionto Sustainability Science*	3	30	15	0	
II.2	*Các học phần tự chọn*		*15/33*				
12	HES6008	Bảo tồn và phát triển di sản trong bối cảnh biến đổi khí hậu *Heritage Safeguarding and Development in the Context of Climate Change*	3	30	15	0	
13	SIS6002	Phương pháp nghiên cứu liên ngành *Methods in Interdisciplinary Research*	3	25	20	0	
14	HES6010	Quản lý và bảo vệ di sản dựa vào cộng đồng *Community-based Heritage Management and Safeguarding*	3	30	15	0	
15	HES6011	Truyền thông di sản *Heritage Communication*	3	30	15	0	
16	HES6012	Giáo dục di sản *Heritage Education*	3	30	15	0	
17	HES6013	Du lịch di sản và phát triển bền vững *Heritage Tourism and Sustainable Development*	3	30	15	0	
18	HES6014	Bảo tồn di sản đô thị *Urban Heritage Protection*	3	30	15	0	
19	HES6015	Bảo tồn di sản kiến trúc *Architecture Heritage Protection*	3	30	15	0	
20	HES6016	Di sản nghệ thuật Việt Nam *Art Heritage in Vietnam*	3	30	15	0	
21	HES6017	Di sản ngôn ngữ và văn tự Việt Nam *Language and Literary Heritage in Vietnam*	3	30	15	0	
22	HES6018	Di sản tín ngưỡng và tôn giáo *Belief and Religious Heritage*	3	30	15	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ tín chỉ			HP tiên quyết
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*	
III	**Thực tập**		**6**				
23	HES6200	Thực địa liên ngành về di sản *Interdisciplinary Fieldwork of Heritage*	6	30	60	0	
IV	**Học phần tốt nghiệp**		**9**				
24	SIS7204	Dự án tốt nghiệp *Graduation Project*	9				
Tổng cộng			**65**				

Lưu ý: *Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.*

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá.